

# VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

PGS.TS. ĐỖ THỊ BÍCH LOAN  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Bình đẳng giới (BDG) trong giáo dục là một mục tiêu trọng tâm trong các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỉ (MDGs) đã được Chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện. Nội dung BDG trong giáo dục đã được khẳng định trong Luật BDG. Chiến lược quốc gia về BDG giai đoạn 2011-2020 đã xác định mục tiêu là "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo". Thực hiện BDG trong giáo dục là thực hiện BDG trong cơ hội tiếp cận giáo dục, trong quá trình giáo dục và trong tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Có nhiều yếu tố liên quan trong quá trình giáo dục, đó là học sinh (HS), giáo viên, chương trình, sách giáo khoa (SGK), sự tương tác giữa giáo viên và HS... Tuy nhiên, bài viết này chỉ tập trung vào vấn đề BDG trong chương trình và SGK nhằm góp phần loại bỏ định kiến giới trong chương trình giáo dục phổ thông sau 2015.

## 2. Một số khái niệm

- **Giới:** Giới là một thuật ngữ xã hội học, nói đến vai trò, trách nhiệm và quan hệ xã hội giữa nam và nữ. Giới đề cập đến việc phân công lao động, phân chia nguồn lực và lợi ích giữa nam và nữ trong bối cảnh xã hội cụ thể. Giới được hình thành do học và giáo dục, không đồng nhất, khác nhau ở mỗi nước, mỗi địa phương, thay đổi theo thời gian, theo quá trình phát triển kinh tế, xã hội.

- **BDG:** BDG là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

- **Định kiến giới:** Định kiến giới là một hiện tượng tâm lí xã hội, đánh giá không đúng vai trò, vị trí, năng lực của mỗi giới và thường giới hạn những gì mà xã hội cho phép hoặc mong đợi ở nam giới và nữ giới; quy gán cho nam giới và nữ giới những phẩm chất, nhân cách mang đặc trưng của mỗi giới, làm hạn chế vai trò của nam giới trong việc chăm sóc gia đình và vai trò của phụ nữ trong các hoạt động xã hội và thường gây nên những hậu quả tiêu cực cho cả nam giới và nữ giới.

## - BDG trong giáo dục

Tại Điều 14, Luật BDG<sup>1</sup> đã quy định BDG trong

lĩnh vực giáo dục và đào tạo là: Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- **Chương trình giáo dục:** Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học. SGK cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức và kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục của các môn học ở mỗi lớp, đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục.

## 3. Chương trình, SGK và BDG

Chương trình giáo dục có thể làm tăng sự bất bình đẳng xã hội và bất BDG nếu mặc nhiên duy trì những khuôn mẫu giới truyền thống hoặc bỏ qua sự đa dạng về nhu cầu học tập và phong cách học tập của nam và nữ. Đồng thời, chương trình cũng có thể là một phương tiện để thúc đẩy bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới và tích hợp giáo dục nhân quyền. Vì vậy, vấn đề BDG trong phát triển chương trình giáo dục cần nghiên cứu nhằm loại bỏ những định kiến giới, góp phần thực hiện mục tiêu BDG trong giáo dục.

Mặc dù SGK chỉ là một phần của tài liệu giảng dạy và quá trình học tập bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau (ví dụ như các phương pháp giảng dạy trong lớp học; môi trường học tập, các yếu tố tác động ngoài trường học), nhưng SGK có tầm quan trọng đặc biệt đối với xã hội như là phương tiện mô tả thực trạng xã hội, ví dụ như các định kiến về giới. Tuy nhiên, SGK cũng có thể được sử dụng như là công cụ thúc đẩy BDG.

Các định kiến về giới trong SGK có thể gây hại, bởi vì chúng đưa những hình ảnh sai lệch và bất công về nam giới và nữ giới một cách trực tiếp hoặc gián tiếp tới người học và khiến họ có những ý tưởng sai lệch về sự khác biệt giới. Như các loại định kiến khác, các định kiến về giới cũng hợp thức hóa những đối xử bất công, bất bình đẳng đối với cá nhân và các nhóm đối tượng.

<sup>1</sup> Luật số 73/2006/QH11, ngày 29/11/2006 do Quốc hội phê chuẩn tại Kỳ họp thứ 10, Khóa XI.



Các định kiến giới bắt nguồn trong quá trình phát triển của lịch sử (ví dụ tình trạng phụ thuộc của phụ nữ đối với nam giới về luật pháp và kinh tế; hay những tín ngưỡng, niềm tin cho rằng phụ nữ có vai trò thấp kém hơn và bị sai khiến trong xã hội). SGK có thể là phương tiện truyền tải quan trọng đối với những định kiến bắt nguồn từ những quan điểm truyền thống về đặc điểm cụ thể của nam giới và nữ giới và về vai trò của họ trong xã hội. Do đó, cần nhận thức về những định kiến giới như vậy trong SGK để có thể hành động một cách thích hợp nhằm tránh những định kiến này trong quá trình giảng dạy.

**4. Thực trạng BĐG trong chương trình, SGK hiện nay**

Như nhiều quốc gia khác trên thế giới, vấn đề BĐG ở Việt Nam được coi là một đòn bẩy thúc đẩy công bằng xã hội, phát triển cá nhân và cộng đồng. Mặc dù quyền BĐG đã được khẳng định trong Hiến pháp, nhưng hiện nay phụ nữ Việt Nam vẫn đang bị thiệt thòi trong tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội và đặc biệt là trong mỗi gia đình.

Định kiến giới đã ăn sâu vào trong nếp nghĩ của mỗi người, kể cả phụ nữ. Phụ nữ và các em gái thường là nạn nhân của những định kiến về giới và bị đối xử không công bằng, do vậy, những định kiến về nam giới và trẻ em trai cần được xem xét lại một cách cẩn thận.

Báo cáo Đánh giá giới tại Việt Nam năm 2011 của Ngân hàng Thế giới cho thấy hiện nay vẫn còn tồn tại sự chênh lệch giới xét về tuổi, nhóm dân tộc và địa bàn. Khu vực Tây Bắc, nơi có mức nghèo cao nhất cũng là khu vực có sự bất BĐG trong giáo dục. Trong số những người từ 15-17 tuổi, chỉ có 53% trẻ em gái được đi học, trong khi con số này của trẻ em trai là 68%. Trong các nhóm dân tộc Khmer/Chăm và các dân tộc ít người miền núi phía Bắc, thì trẻ em gái đều có tỉ lệ đi học thấp hơn trẻ em trai. Ở dân tộc H'mông, trẻ em gái ở độ tuổi mẫu giáo ít được đến trường hơn trẻ em trai (72% so với 81%). Khoảng cách giới cũng thể hiện trong tỉ lệ bỏ học của các nhóm dân tộc thiểu số, ví dụ như dưới 1/5 nam HS nam người H'Roi bỏ học, trong khi tỉ lệ bỏ học của HS nữ người H'Roi là trên 40% <sup>2</sup>(Chi 2009). Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, sự nghèo đói đã khiến nhiều em phải nghỉ học, đi làm kiếm sống. Các em gái phải thường phải chấp nhận ở nhà trông em, làm công việc nội trợ và thường bị mặc cảm, thiếu tự tin, vì cha mẹ các em và bản thân các em đã bị ảnh hưởng bởi những định kiến giới tồn tại lâu đời trong xã hội.

<sup>2</sup> Chi, Trương Huyền (2011) *Du lịch, giới, dân tộc và các thách thức đối với phát triển bền vững ở các vùng miền núi có nhiều dân tộc thiểu số khác nhau sinh sống ở Việt Nam. Nghiên cứu về Sapa của UNESCO, Hà Nội.*

Năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UNESCO Việt Nam và Văn phòng Giáo dục Quốc tế - UNESCO Thụy Sĩ đã tiến hành nghiên cứu rà soát SGK tiểu học. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tồn tại những định kiến giới, một cách rõ ràng hoặc ngầm ngấm trong các bài viết, tranh minh họa, cũng như các hoạt động học tập trong SGK cấp Tiểu học đang được sử dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có nhiều ví dụ về các hoạt động tích cực thúc đẩy BĐG trong những cuốn SGK này. Phần lớn các định kiến được xác định là định kiến rập khuôn và định kiến vô hình hay bất cân bằng giữa các giới. Có cả những định kiến 'thấm mĩ' trong SGK, nghĩa là, mặc dù có sự bình đẳng về giới trong nội dung SGK, nhưng vẫn có những định kiến ở dạng ngầm định tồn tại cho dù đã có những thay đổi so với SGK cũ.

**5. Một số đề xuất thúc đẩy BĐG trong chương trình giáo dục**

Để chương trình, SGK đảm bảo thúc đẩy BĐG, cần chú ý đến những điểm sau đây:

- *Mục tiêu và nội dung chương trình liên quan đến nhu cầu học tập khác nhau của HS nam và HS nữ, HS ở thành thị và nông thôn, HS dân tộc thiểu số hoặc nhóm kinh tế - xã hội.* Trong phát triển chương trình, các nhà giáo dục phải xem xét để đảm bảo rằng tất cả HS nữ và HS nam trong cả nước đều có thể phát triển các giá trị, thái độ, kiến thức và kĩ năng cần thiết cho tương lai của họ trong một xã hội phát triển.

- *SGK và tài liệu học tập không có thiên vị giới và thúc đẩy thông điệp tích cực về bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.* Các nhà hoạch định chính sách cần đảm bảo rằng tất cả tài liệu giảng dạy phải được rà soát nhằm: Loại bỏ định kiến giới; Phát huy vai trò tích cực và vai trò không truyền thống đối với trẻ em gái, trẻ em trai, phụ nữ và nam giới trong xã hội, ví dụ phụ nữ và nam giới trong toán học và khoa học, nam giới và phụ nữ chăm sóc người ốm trong gia đình.

- *Tài liệu hướng dẫn cho giáo viên nhằm thúc đẩy nhạy cảm giới trong lớp học và cung cấp cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy đa dạng phù hợp với nhu cầu và phong cách học tập của cả HS nam và HS nữ.* Trong một số bối cảnh, người ta nhận thấy rằng, HS nữ học tốt hơn khi tham gia làm việc theo nhóm và có khả năng viết tốt hơn. Trong khi đó, HS nam lại có khả năng làm việc cá nhân và thuyết trình tốt hơn. Do đó, phương pháp giảng dạy cần đảm bảo để tất cả HS nam và nữ đều được khuyến khích để khám phá và sáng tạo.

- *Kĩ thuật kiểm tra, đánh giá phải chú ý sự khác nhau về phong cách học tập của HS nam và HS nữ nhằm đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội và kết quả học tập.*

- *Tính linh hoạt và khả năng thích ứng của việc giảng dạy.* Tính linh hoạt để thích ứng với điều kiện

giáo dục ở từng địa phương là cần thiết. Giờ học linh hoạt và thích nghi theo mùa, lịch học phù hợp ... để đảm bảo bình đẳng cơ hội cho cả HS nam và HS nữ.

- Thường xuyên nâng cao năng lực giới cho những người tham gia xây dựng chương trình, xem xét và sửa đổi chương trình. Để đảm bảo rằng chương trình giáo dục thúc đẩy BĐG, các cá nhân và các đơn vị tham gia xây dựng chương trình, phê duyệt và xem xét nội dung chương trình, SGK và tài liệu giảng dạy phải có khả năng nhận dạng được những định kiến giới. Họ cũng phải có khả năng thúc đẩy thông điệp tích cực hơn trong vấn đề này.

**6. Kết luận**

BĐG trong giáo dục có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực nữ. Chương trình giáo dục có thể làm tăng sự bất bình đẳng xã hội và bất BĐG, nhưng cũng có thể là một phương tiện để thúc đẩy bình đẳng giữa phụ nữ với nam giới và tích hợp giáo dục nhân quyền. Vì vậy, cần nghiên cứu vấn đề BĐG trong phát triển chương trình và biên soạn SGK nhằm loại bỏ những định kiến giới và thúc đẩy BĐG trong giáo dục ở Việt Nam.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo rà soát SGK tiểu học dưới góc độ giới. <http://genic.molisa.gov.vn>.

2. Chiến lược quốc gia về BĐG giai đoạn 2011-2020, Quyết định Số 2351/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐG giai đoạn 2011 – 2020.

3. Chi, Trương Huyền (2011) *Du lịch, giới, dân tộc và các thách thức đối với phát triển bền vững ở các vùng miền núi có nhiều dân tộc thiểu số khác nhau sinh sống ở Việt Nam*, Nghiên cứu về Sapa của UNESCO, Hà Nội.

4. Đỗ Thị Bích Loan, *BĐG trong giáo dục ở Việt Nam - Những vấn đề cần quan tâm*, Tạp chí Khoa học Giáo dục. Số 67/2011.

5. *Education Gender equality*. <http://www.cida.gc.ca>

6. Luật BĐG, Luật số 73/2006/QH11, ngày 29/11/2006 do Quốc hội phê chuẩn tại Kỳ họp thứ 10, Khóa XI.

**SUMMARY**

*This paper touches upon gender equality in the development of educational curriculum. The author analyzed gender equality issue in curriculum and textbook in order to eliminate gender prejudice in the general curriculum after 2015, especially: the real situation of gender equality issue in the current curriculum and textbook; suggestions to enhance the gender equality issue in educational curriculum.*

**VỀ MỤC TIÊU MÔN TOÁN...** (Tiếp theo trang 2)

trên. Vẽ và đọc được đồ thị của các hàm bậc nhất và bậc hai.

- Biết tiến hành một cuộc điều tra đơn giản, biết lập bảng điều tra, bảng phân phối giá trị, tính các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, nhận xét được tính quy luật của việc nhận giá trị của biến. Hiểu được một số khái niệm cơ bản của lí thuyết xác suất, biết sử dụng công thức tính xác suất trong các bài toán đơn giản.

- Biết lập luận, chứng minh các bài toán ở trình độ thích hợp. Biết mô hình hóa toán học các tình huống thực tế giả định và các tình huống thường gặp trong cuộc sống cùng cách thức giải quyết.

- Có phương pháp tự học phù hợp.

- Có thói quen và biết cách làm việc hợp tác, có tác phong cẩn thận, đảm bảo sự chính xác, làm việc có kế hoạch. Biết diễn đạt một cách mạch lạc, sáng sủa trong việc sử dụng ngôn ngữ thông thường và ngôn ngữ toán.

**2. Đối với giai đoạn "sau cơ bản"**

Do ở giai đoạn này, việc tổ chức phân hóa trong học tập sẽ đạt mức độ cao. Mỗi người học theo định hướng nghề nghiệp sẽ được chọn lựa nội dung học tập thích hợp. Chính vì vậy, khó có thể nêu ra các yêu

cầu có tính đồng loạt cho tất cả học sinh. Môn Toán được xem là môn học bắt buộc (theo như dự kiến) cho mọi học sinh nhưng vẫn phải có các chương trình cùng tài liệu giáo khoa khác nhau với những mục tiêu riêng, nội dung riêng theo hướng phục vụ trực tiếp cho mục đích chọn lựa của học sinh. Kinh nghiệm của nhiều nước đã cho thấy ở giai đoạn này thường xuất hiện nhiều chương trình với tài liệu dạy học tương ứng với các tên gọi như Toán A, Toán B, Toán C...(hay Toán I, Toán II, Toán III, Toán IV...) cho các nhóm học sinh khác nhau với sự khác biệt về nội dung và đặc biệt là mức độ cần đạt. Điều đáng quan tâm là một số chủ đề như phương pháp tọa độ, giới hạn, liên tục và đạo hàm, các phép biến hình, biến ngẫu nhiên... thường được đưa vào các chương trình trên, tất nhiên là với những mục tiêu khác nhau.

**SUMMARY**

*The article refers to goals of Maths in Vietnam secondary schools. These goals were: 1/Oriented viewpoints to develop Maths curriculum in secondary schools; 2/ Required competencies to learners; 3/ General objectives of Maths; 4/ Specific objectives in each stage.*